

Số: **10** /2019/NQ-HĐND

Đắk Lắk, ngày **06** tháng 12 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của quy định về mức thu các loại phí và lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định về mức thu các loại phí và lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk; Báo cáo thẩm tra số 100/BC-HĐND ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định về mức thu các loại phí và lệ phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 10/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi Điều b, Điều c Khoản 8 Mục I, như sau:

“b) Mức thu:

STT	Nội dung	Khu vực đô thị		Khu vực nông thôn	
		Đất sản xuất, kinh doanh (đồng/hồ sơ)	Các loại đất còn lại (đồng/hồ sơ)	Đất sản xuất, kinh doanh (đồng/hồ sơ)	Các loại đất còn lại (đồng/hồ sơ)
b.1	Thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu:				
b.1.1	<i>Hộ gia đình, cá nhân</i>				
	Diện tích dưới 500 m ²	700.000	400.000	455.000	260.000
	Diện tích từ 500 m ² đến dưới 3.000 m ²	980.000	560.000	640.000	360.000
	Diện tích từ 3.000 m ² đến dưới 10.000 m ²	1.470.000	840.000	960.000	550.000
	Diện tích trên 10.000 m ²	2.570.000	1.470.000	1.670.000	960.000
b.1.2	<i>Tổ chức</i>				
	Diện tích dưới 500 m ²	1.230.000	700.000	796.000	460.000
	Diện tích từ 500 m ² dưới 3.000 m ²	1.720.000	980.000	1.120.000	640.000
	Diện tích từ 3.000 m ² đến dưới 10.000 m ²	2.570.000	1.470.000	1.670.000	960.000
	Diện tích từ 10.000 m ² trở lên	4.500.000	2.580.000	2.930.000	1.680.000
b.2	Thẩm định hồ sơ cấp đổi, cấp lại (bao gồm cả trường hợp người sử dụng đất thực hiện các quyền mà phải cấp mới Giấy chứng nhận): Mức thu bằng 50% mức thu theo quy định tại Điểm b (b.1) Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết này.				

c) Tỷ lệ trích: Trích để lại 90% chi cho công tác thu phí theo chế độ quy định, 10% còn lại nộp vào ngân sách nhà nước”.

2. Bổ sung Điểm d, Điểm đ Khoản 8 Mục I, như sau:

“d) Miễn thu phí đối với các trường hợp:

- Cấp đổi do điều chỉnh diện tích đối với trường hợp Nhà nước thu hồi đất; hiến đất để xây dựng các công trình công cộng, phúc lợi xã hội.

- Hộ nghèo, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

đ) Giảm 50% thu phí đối với các trường hợp: Người cao tuổi, người khuyết tật”.

3. Sửa đổi Điểm b, Điểm c Khoản 11 Mục I, như sau:

“b) Mức thu phí: 200.000 đồng/hồ sơ, tài liệu (không bao gồm chi phí in ấn, sao chụp hồ sơ, tài liệu).

c) Tỷ lệ trích: Trích để lại 90% chi cho công tác thu phí theo chế độ quy định, 10% còn lại nộp vào ngân sách nhà nước”.

4. Bổ sung Điểm d, Điểm đ Khoản 11 Mục I, như sau:

“d) Miễn thu phí đối với các trường hợp:

- Cung cấp dữ liệu đất đai để phục vụ cho các mục đích quốc phòng và an ninh, phục vụ yêu cầu trực tiếp của lãnh đạo Đảng và Nhà nước hoặc trong tình trạng khẩn cấp.

- Cung cấp dữ liệu đất đai để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai cho Bộ Tài nguyên và Môi trường, cơ quan tài nguyên và môi trường ở địa phương, Ủy ban nhân dân các cấp.

- Hộ nghèo, người có công với cách mạng, đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

- Cung cấp dữ liệu đất đai cho Tòa án nhân dân các cấp để thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

đ) Giảm 50% thu phí đối với các trường hợp: Người cao tuổi, người khuyết tật”.

5. Sửa đổi Điều đ Khoản 12 Mục I, như sau:

“đ) Tỷ lệ trích: Trích để lại 90% chi cho công tác thu phí theo chế độ quy định, 10% còn lại nộp vào ngân sách nhà nước”.

6. Sửa đổi Điều c Khoản 13 Mục I, như sau:

“c) Tỷ lệ trích: Trích để lại 90% chi cho công tác thu phí theo chế độ quy định, 10% còn lại nộp vào ngân sách nhà nước”.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức, thực hiện Nghị quyết và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk khóa IX, Kỳ họp thứ Chín thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2020./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Các Bộ: TNMT, LĐTBXH, Quốc phòng, Công an;
- Ủy ban Dân tộc, TAND tối cao;
- Cục KTVB QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính,
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, UBMTTQ VN tỉnh,
- TAND tỉnh, BCHQS tỉnh, Công an tỉnh, BCHBĐ biên phòng tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở: Tài chính, Tư pháp, TNMT, LĐTBXH, Ban Dân tộc tỉnh, KBNN Đắk Lắk;
- TT. HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- TT. HĐND, UBND cấp xã; (UBND cấp huyện sao gửi)
- Báo Đắk Lắk, Đài PTTH tỉnh; Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu VT, TH.

CHỦ TỊCH



Y Biêr Niê